

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 56/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 6 - 2017
V/v Ly hôn giữa anh A và chị B.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Huy Hoàng
2. Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 843/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị B, sinh năm 1977; địa chỉ: Đường C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh A, sinh năm 1976; hiện cư trú: địa chỉ F, Australia; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 21/4/2017 và các văn bản khác, nguyên đơn là chị B trình bày: Chị B và anh A kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng năm 2005. Sau khi kết hôn chị B và anh A chung sống hòa thuận tại Đường C, phường D, quận E, Hải Phòng được 08 năm. Tháng 12 năm 2013, anh A ra nước ngoài làm việc. Quá trình anh A sinh sống ở nước ngoài có liên lạc về nhưng ngày càng thưa dần. Do khoảng cách địa lý xa cách, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm và lối sống khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng và khả năng đoàn tụ không còn nên chị B có yêu cầu được ly hôn với anh A.

Tại văn bản ngày 20/4/2017 (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) anh Trần Văn A xác nhận mối quan hệ giữa anh A và chị B được xác lập như chị B trình bày. Quá trình chung sống giữa anh A và chị B hòa thuận được khoảng 08 năm, đến năm 2013 anh A sang nước ngoài làm việc. Kể từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt do thường xuyên ở xa nhau, không còn tin tưởng nhau. Nay nhận thấy khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn nên anh A thống nhất với yêu cầu của chị B, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về quan hệ nuôi con: Anh A và chị B xác nhận quá trình chung sống có hai con chung là G, sinh ngày 12/9/2006 và H, sinh ngày 04/10/2008. Hiện tại, chị B nuôi dưỡng cả hai con chung. Nếu ly hôn, anh A và chị B thống nhất để chị B trực tiếp nuôi cả hai con chung. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung anh A và chị B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Anh A và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị B giữ nguyên lời trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn với anh A; chị B được nuôi hai con chung. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh A vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, cam kết không kháng cáo bản án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị B được ly hôn với anh A; về con chung: Xử giao 02 con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, anh A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị của anh A phù hợp với

quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt anh A.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị B kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng năm 2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh A và chị B chung sống hòa thuận, hạnh phúc trong khoảng 08 năm đầu. Năm 2013 anh A ra nước ngoài sinh sống, làm việc. Do phải sống xa nhau, việc liên lạc hai bên không thường xuyên dẫn đến không tin tưởng nhau và tình cảm ngày càng phai nhạt; quan điểm, lối sống giữa hai bên không còn phù hợp nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh A. Anh A cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của chị B và anh A phù hợp với tình trạng thực tế gia đình anh A và chị B, phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát và quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

Về quan hệ nuôi con: Anh A và chị B xác nhận có hai con chung như nêu trên. Xét thấy quan điểm của anh A và chị B thống nhất về việc nuôi con sau khi ly hôn, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung, phù hợp với điều kiện hiện tại của các đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh A và chị B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc này để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con - Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về quan hệ tài sản: Anh A và chị B đều không có yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ vào Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị B được ly hôn với anh A.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao con chung là G, sinh ngày 12/9/2006 và H, sinh ngày 04/10/2008 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung anh A và chị B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh A có quyền thăm nom con, chị B không được cản trở anh A thực hiện quyền này. Anh A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản: Chị B và anh A không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 3805 ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị B có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, anh A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường D;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Phương